

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 23

Thiên thứ 14: XẤU HỔ

Gồm có 2 phần: Thuật ý, Dẫn chứng.

Thứ nhất: PHẦN THUẬT Ý

Than ôi! Ba đời luân chuyển, sáu nẻo tuần hoàn. Dẫu có đôi chút anh linh, cũng phải trải qua lấm chỗ. Bẩm sinh vốn không nhất định: Có trí, có ngu; tâm tính lại chẳng giống nhau: Làm thiện, làm ác. Làm thiện biết hổ biết thẹn; làm ác nên không biết hổ biết thẹn. Kẻ phàm phu của mang lấm lạc, nếu chưa trừ bỏ, cần phải ngày đêm tinh tiến tu trì, hổ thẹn với cõi u minh, tạ tội cùng chốn dương gian địa phủ. Do xưa nay bất trí, không biết cứu cánh chí chân, khiến phiền não rối bời, kết tập chồng chất, mong mỗi làm một việc thiện để tiêu diệt vạn mối oan khiên, quét vén tối tăm, hoá nhiên thanh tịnh. Vì thế, bậc đại Thánh ân cần đặt ra hai giới đạo tục.

Đứng ở trong đạo, hổ mang danh ứng cúng, phước điền; thẹn chịu tiếng khát sĩ Sa-môn, không đủ khả năng cứu độ của hàng Bồ-tát, thiếu hẳn đạo hạnh điều nhiếp của bậc Thanh văn. Làm nhục Tăng già, phụ ơn thí chủ. Không xứng đi trên đất Quốc vương, không đền đáp nỗi công ơn cha mẹ. Tựa như bình vỡ, giống mầm thui chột như cây đa-la chặt ngang, không thể mọc chồi, phiền đá chẻ vụn không thể ráp lại. Quỷ sứ tẩy chay tung tích, gọi là ác Tăng; đức Phật ban lời quả trách, chẳng phải đệ tử. Hết làm phước điền của thế gian, không đáng được tín chủ đánh lễ. Gần thì cản trở Trời người, xa thì hai đến chánh pháp. Tội lỗi đầy dẫy, nói sao cho cùng! Trong đạo còn tệ đến thế, ngoài đời mong cứu được gì?

Phải biết, thân người lỡ mất, muôn kiếp khó tìm. May được trở lại làm người, còn phải ngộ ra bản tính. Nay nên lấy nước hổ thẹn rửa sạch bụi trần; cầm dao bọc bạch cắt đứt lưới che giấu. Ngửa trông thẹn cùng liệt tổ; cúi nhìn, hổ với hậu sinh, thành khẩn ăn năn khắp chốn.

Gặp hết thấy Tăng già đều kính cung như lễ Phật, ép mình xuống thấp như nghĩ đến điều hèn, tất cả lỗi lầm, không động một niệm che giấu; tất cả việc thiện, đều tỏ ý muốn tu theo. Trình bày sơ lược như trên, gọi là hổ thẹn.

Thứ hai: PHÂN DẪN CHỨNG

Như kinh Niết-bàn nói: “Có hai phép làm cho thanh tịnh, có thể cứu độ chúng sinh: 1. Là hổ, 2. Là thẹn. Hổ là tự mình không làm ác, thẹn là không bắt người khác làm ác. Hổ là tự mình xấu hổ trong lòng; thẹn là bộc lộ ra ngoài với người. Hổ là xấu hổ với người, thẹn là xấu hổ với Trời. Như thế, gọi là hổ thẹn. Nhờ có hổ thẹn mới biết cung kính cha mẹ, sư trưởng, mọi người trong đạo ngoài đời, quý thần, cũng như biết kính trọng Tam bảo và diệt trừ mọi nghiệp ác”.

Lại nữa, luận Ca-diên nói: “Sao gọi là không biết xấu hổ? Đáp: “Đáng xấu hổ mà không xấu hổ, đáng lánh xa mà không lánh xa, cung kính kẻ xấu, thân cận kẻ xấu. Như thế, gọi là không biết xấu hổ”. Sao gọi là không biết thẹn thùng? Đáp: “Đáng thẹn mà không thẹn, đáng sợ mà không sợ. Không sợ việc ác, nên gọi là không biết thẹn thùng. Lại nữa, thân cận người xấu, gọi là không biết xấu hổ, không sợ việc ác, gọi là không biết thẹn thùng. Trái với như thế, gọi là biết hổ thẹn”.

Lại nữa, luận Tân-bà-sa nói: “Người đời thấy không biết xấu hổ thì nói là không biết thẹn thùng, thấy không biết thẹn thùng thì lại nói là không biết xấu hổ, đến nỗi cho rằng bản chất hai sự kiện này vốn là một. Nay sẽ chỉ rõ bản chất và biểu hiện của hai sự kiện này đều khác biệt, cốt giúp người hiểu lầm nhận thức rõ ràng.

Hỏi: “Không biết xấu hổ và không biết thẹn thùng có gì khác nhau không?”

Đáp: “Không sợ sệt bậc tự tại là không biết xấu hổ, không sợ sệt tội lỗi là không biết thẹn thùng. Lại nữa, không cung kính là không biết xấu hổ, không sợ sệt là không biết thẹn thùng. Lại nữa, không chán chường khinh thường phiền não là không biết xấu hổ, không chán chường khinh thường làm ác là không biết thẹn thùng. Lại nữa, làm ác mà không nhìn lại là không biết xấu hổ, làm ác mà không nhìn lại người khác là không biết thẹn thùng. Lại nữa, làm ác mà không biết mắc cỡ với chính mình là không biết xấu hổ, làm ác mà không biết mắc cỡ với người khác là không biết thẹn thùng. Lại nữa, làm ác mà không biết mắc cỡ nhục nhã là không biết xấu hổ, làm ác mà còn ngạo nghễ là không biết thẹn thùng. Lại nữa, một mình làm ác mà không biết mắc cỡ

nhục nhã là không biết xấu hổ, làm ác trước người khác mà không biết mắc cỡ nhục nhã là không biết thẹn thùng. Lại nữa, nếu gây tội lỗi trước một số người mà không biết mắc cỡ nhục nhã là không biết xấu hổ; nếu gây tội lỗi trước đám đông mà không biết mắc cỡ nhục nhã là không biết thẹn thùng. Lại nữa, nếu gây tội lỗi trước chúng sinh ở ba đường ác mà không nhục nhã hổ thẹn là không biết xấu hổ; nếu gây tội lỗi trước các chúng sinh ở ba đường thiện mà không nhục nhã xấu hổ là không biết thẹn thùng. Lại nữa, nếu gây tội lỗi trước người ngu mà không biết mắc cỡ nhục nhã là không biết xấu hổ; nếu gây tội lỗi trước các bậc trí giả mà không biết mắc cỡ nhục nhã là không biết thẹn thùng. Lại nữa, nếu gây tội lỗi trước người hèn hạ mà không biết mắc cỡ nhục nhã là không biết xấu hổ; nếu gây tội lỗi trước các bậc tôn quý mà không biết mắc cỡ nhục nhã là không biết thẹn thùng. Lại nữa, nếu gây tội lỗi trước người tại gia mà không biết mắc cỡ nhục nhã là không biết xấu hổ; nếu gây tội lỗi trước người xuất gia mình không biết mắc cỡ nhục nhã là không biết thẹn thùng. Lại nữa, nếu gây tội lỗi trước người không trực tiếp giáo hóa mình mà không biết mắc cỡ nhục nhã là không biết xấu hổ; nếu gây tội lỗi trước trực tiếp giáo hóa mình mà không biết mắc cỡ nhục nhã là không biết thẹn thùng. Lại nữa, khi gây tội lỗi, không biết mắc cỡ với Trời là không biết xấu hổ; khi gây tội lỗi, không biết nhục nhã với người là không biết thẹn thùng. Lại nữa, đối với các mầm ác, nếu không biết quả trách tiêu diệt là không biết xấu hổ; đối với các tội ác, nếu không biết chán chường sợ sệt là không biết thẹn thùng. Lại nữa, nếu so đo với kẻ tham là không biết xấu hổ, nếu so đo với kẻ si là không biết thẹn thùng. Đây là những điểm khác biệt giữa không biết xấu hổ và không biết thẹn thùng. Chỉ có chúng sinh trong dục giới còn mắc phải hai điều xấu xa bất thiện này. Tâm của mọi chúng sinh trong giới này đều bắt chước làm ác và đều giống nhau, ngoại trừ tự tính. Tất cả những gì trái với trên đây đều gọi là biết hổ thẹn”.

Lại nữa, Luận-Du-già nói: “Sao gọi là không biết hổ thẹn? Nghĩa là xem lại bản thân và tha nhân, không có điều gì biết mắc cỡ nhục nhã, nên không suy nghĩ bỏ đi, đừng phạm phải. Lỡ phạm phải, không biết theo đúng chánh pháp xa lìa, còn ham hố cãi cọ, bào chữa. Như thế, gọi là không biết xấu hổ, không biết thẹn thùng”.

Lại nữa, kinh Di-giáo nói: “Xấu hổ giống như móc thép chế ngự chúng sinh không làm sai chánh pháp, nên Tỳ-kheo luôn luôn hổ thẹn không ngừng. Nếu xa lìa hổ thẹn, sẽ mất hết mọi công đức. Người có thẹn thùng thì còn có các điều thiện. Nếu hết thẹn thùng thì chẳng khác

gì loài cầm thú”.

Lại nữa, luận Trí-độ có kệ nói rằng:

“Người xuất gia hổ thẹn,
 Cầm bát để lợi sinh.
 Sao phóng theo trần dục,
 Đắm đuối trong năm tình?
 Mặc giáp, cầm khí giới,
 Gặp địch lại bỏ chạy!
 Kẻ hèn nhất như thế,
 Bị mọi người khinh rẻ.
 Tỳ-kheo là khát sĩ,
 Gọt tóc, mặc cà-sa,
 Cỡi ngựa năm tình chạy,
 Bị chê cười như vậy!
 Cũng giống kẻ sang quý
 Ăn mặc thật đẹp đẽ,
 Lại đi làm hành khất,
 Bị mọi người cười chết!
 Tỳ-kheo bỏ trang sức,
 Gọt tóc để giữ chí,
 Lại đi tìm dục lạc,
 Bị chê cười như vậy!
 Đã từ bỏ ngũ dục,
 Vứt đi, không nhìn lại,
 Tại sao còn muốn kiếm?
 Giống hệt kẻ ngu kia,
 Tự ăn lấy ói mửa.
 Kẻ tham dục như thế,
 Không quán lại thế nguyện,
 Cũng không biết tốt xấu,
 Si mê vào biển ái.
 Hổ thẹn và cung kính,
 Tất cả đều vứt bỏ,
 Thánh trí không thân cận,
 Ngu si lại gần gũi!
 Dục lạc khi tìm kiếm
 Thường chuốc lăm khổ đau.
 Kiếm được, nhiều lo sợ.

Mất đi, lại sâu não.
 Tất cả mọi dục vọng
 Đều không chút an lạc.
 Dục vọng hại đến thế,
 Lấy gì để trừ bỏ?
 Nhờ có phép Thiên định,
 Đem lại phước an lạc
 Và không bị lừa dối.
 Lỡ đắm trong dục lạc,
 Lấy gì để tiêu diệt?
 Dùng phép quán bất tịnh,
 Tự nhiên sẽ dứt sạch!”

Lại nữa, kinh chánh pháp niệm nói: “Nếu phá giới, đa dục và làm các điều xấu, không phải Sa-môn lại tự xưng Sa-môn, thì cũng giống chó rừng đội lốt Sư tử, báu vật giả mạo, trong ruột trống rỗng”.

Lại nữa, luận Trang-nghiêm có kệ rằng:

“Đã mặc áo hoại sắc,
 Phải tu theo phép thiện.
 Áo ấy cần tịch lặng
 Tư duy, tự điều nhiếp.
 Cớ sao mặc áo ấy,
 Lại chống mắt giương trông,
 Cau mày rồi chúm mép,
 Bộc lộ nổi sân giận?
 Sân giận, kẻ xuất gia
 Không nên có thói ấy.
 Giận hờn giống gông cùm,
 Sân si là khủng bố,
 Nhà cửa của khinh rẻ,
 Mâm mống của thô bỉ,
 Là bạn của lời tục,
 Lửa rừng thiêu rụi ý,
 Là nghiệp đọa đường ác,
 Cửa dẫn đến đáu khẩu,
 Chỗ nghỉ của tiếng xấu,
 Nhân gây ác thô bạo.
 Cần phải tự quan sát
 Mục tiêu của xuất gia

Là tâm tướng hợp nhau.
 Có sao làm trái ngược?
 Phép tắc của Tỳ-kheo
 Là khát thực để sống.
 Có sao đã thọ lãnh,
 Lại sân giận thí chủ?
 Thức ăn còn trong bụng,
 Có sao sinh sân giận,
 Đến nổi khiến thí chủ
 Dứt tay, không bố thí?
 Thân này không thanh tịnh
 Chín lỗ thường bài tiết,
 Hôi hám rất đáng ghét,
 Đều là những chỗ khổ.
 Thân này rất thô bỉ,
 Ung nhọt đều phát sinh.
 Nếu cùng nhau đụng chạm,
 Càng sinh thêm khổ sở.
 Thân này như bia tên.
 Có bia, tên phải trúng.
 Có thân, phải chịu khổ,
 Không thân, sẽ hết khổ.
 Muỗi mòng, nặng, rấn rít
 Đều cắn chết được người.
 Thế nên phải tinh tiến
 Là xa khỏi thân này”.

Thế nên, qua những trích dẫn trên đây, dù đạo hay đời, phải thường xuyên chú ý chánh niệm trước mắt, không thể vì hiểu biết đôi chút chánh pháp, rồi đâm ra ngã mạn, không biết hổ thẹn. Như các Sa-môn đã chứng quả, dù không còn chịu tống báo, nhưng vẫn phải chịu biệt báo. Bởi vậy, kinh Hiền-ngu nói rằng: “Giống như Ương-quật-mala, vì đã giết chín trăm chín mươi chín người, sau này dù gặp được đức Phật, chứng được quả A-la-hán, ngồi trong phòng, nhưng lửa địa ngục vẫn từ lỗ chân lông chảy ra hết sức đau đớn khổ sở. Hướng gì kẻ phàm phu ngoại đạo chưa phát tâm tu trì, vừa tạo một nghiệp, chắc chắn sẽ bị đọa vào ba đường ác! Thân người rất khó, lỡ tạo nhân ác, sẽ dễ mất đi, do ác nhiều mà thiện ít, nên trong một ngày, ác niệm nhiều đến trăm ngàn, mà thiện niệm chưa có được một!

Lại nữa, kinh Tịnh-Độ-Tam-muội nói: “Tội phúc chồng chất theo số lượng và thứ lớp rất phân minh. Sau này sẽ thọ quả báo rành rẽ không sai. Một niệm thọ một thân. Thiện niệm thọ thân trên Trời hay trong cõi người. Một ngày đêm gieo giống sinh tử, sau này sẽ thọ tám ức năm ngàn vạn thân khác nhau. Trong một trăm năm gieo trồng, khó tính nổi số lượng. Linh hồn theo hạt giống đã gieo, thọ thân khắp tam thiên đại thiên thế giới. Xương cốt, lông da vương vãi khắp đất đai trong đại thiên thế giới ấy, không sót chỗ nào”.

Lại nữa, kinh Bồ-tát, xử-thai có kệ rằng:

*“Ta từ vô số kiếp
Qua lại đường sanh tử.
Bỏ thân rồi thọ nhận,
Không rời khỏi thai mẹ.
Ta kể nơi trải qua,
Một nơi không kể hết,
Chỉ làm loại chó trắng,
Xương chất muôn Tu-di
Lấy kim nhọn xăm đất,
Khắp nơi đụng xác ta!
Hướng gì chó tạp sắc,
Số lượng không tính nổi!
Vì thế ta giữ lòng,
Không tham lam, buông thả”.*

Lại nữa, kinh Đề-vị nói: “Ví như có một người đứng trên núi Tu-di thả xuống sợi tơ rất nhỏ, có một người đứng dưới chân núi, cầm kim chực sẵn, trong khi cơn gió toàn-lam nổi lên, thổi mạnh dữ dội, sợi tơ sẽ rất khó chui vào lỗ kim. Thân này kiếm được, còn khó hơn nữa”.

Lại nữa, trong kinh Bồ-tát xử thai, đức Phật có nói kệ rằng:

*“Rùa mù chui lỗ cây,
Thỉnh thoảng còn gặp được.
Chúng sinh đánh mất thân,
Ức kiếp cũng khó kiếm.
Nước biển dẫu sâu rộng,
Ba trăm ba mươi sáu,
Đem kim ném xuống biển,
Mò tìm còn kiếm được
Một lần đánh mất thân,
Kiếm lại càng thấy khó”.*

Lại nữa, luận Đại-trang-nghiêm có kệ nói rằng:

*“Tránh được nạn cũng khó,
Được làm người khó hơn.
Đã tránh thoát được nạn,
Phải luôn luôn tinh tiến”.*

Ta nghe ngày xưa có chú bé thấy kinh nói con rùa mù chui lọt đầu qua lỗ hổng ở thân cây nổi trên mặt biển là chuyện rất khó, bèn đục lỗ trên miếng ván vừa lọt đầu, ném xuống ao rồi lặn xuống, cúi đầu trời lên. Nước động, ván trôi, không thể chui đầu vào lỗ. Chú bé đâm ra chán nản bức bối, suy nghĩ rằng: Thân người khó kiếm, đức Phật lấy biển làm thí dụ, lỗ hổng trên cây, rùa nhỏ mù mắt trăm năm một lần nổi lên thật khó chui trúng lỗ. Nay ao nhỏ, lỗ hổng lại lớn, ta có thêm hai mắt, một ngày trời lên hàng trăm lần, còn không thể chui trúng lỗ trên ván, huống chi con rùa mù ấy, làm sao có thể chui trúng? Bèn nói kệ rằng:

*“Biển cả thật rộng lớn,
Lỗ trên cây lại nhỏ.
Trăm năm nổi một lần,
Chui lọt đầu rất khó!
Ao nước nay thật nhỏ,
Lỗ trên ván lại lớn.
Trời đầu chui lên hoài,
Vẫn không lọt vào lỗ!
Rùa mù gặp cây nổi,
Cơ hội thật là khó.
Đường ác được làm người,
Khó khăn cũng thế đó!
Nay ta được làm người,
Cần nhất đừng buông thả.
Chư Phật nhiều hà sa,
Ta chưa được gặp gỡ.
Nay ta được thọ lãnh
Lời chú Phật mười phương,
Thuyết pháp rất vi diệu, Ta
cần phải tu trì,
Nếu siêng năng tu tập,
Sẽ cứu độ rộng rãi.
Chẳng ai tu giúp ta.*

Vì thế, phải tinh tiến.
 Nếu đọa vào bát nạn,
 Làm sao thoát ra nổi?
 Nghiệp báo theo bên ta,
 Xô đẩy xuống đường ác.
 Nay ta phải tránh né,
 Khởi địa ngục tam giới.
 Nếu không khởi ngục ấy,
 Làm sao giải thoát được ?
 Đường súc sanh là thế,
 Trải qua rất lâu dài.
 Địa ngục và ngục quỷ.
 Tối tăm và khổ não.
 Nếu ta không tu tập,
 Làm sao xa lánh khỏi
 Các đường ác hiểm độc?
 Nay ta được làm người,
 Nếu không chịu khó nhọc,
 Sao lìa ngục tam giới?
 Cần phải rất cố gắng
 Mới lìa ngục tam giới.
 Nay ta cầu xuất gia,
 Chắc chắn sẽ giải thoát”.

Lại nữa, kinh Tội-nghiệp-báo-ứng có kệ rằng:

“Nước chảy, không đầy mãi
 Lửa mạnh chẳng bền lâu.
 Mặt Trời mọc rồi lặn;
 Vàng trắng tròn lại vơi
 Kẻ giàu sang phú quý
 Còn vô thường hơn nữa!”

Cho hay, thân người khó gặp, dễ mất. Vì dễ mất nên đừng khư khư chấp trước thân sẽ sống lâu dài. Phải nhớ rằng thân người cận kề cái chết trong từng niệm một, giống như heo dê bị dẫn đến lò sát sinh. Vì thế, kinh Niết-bàn có nói: “Quán tưởng thọ mạng này, luôn luôn bị vô lượng oán thù quấn chặt, thọ mạng chỉ giảm bớt chứ không Tăng thêm trong từng niệm một, khác gì dòng nước mạnh không thể dừng lại, giọt sương mai không đọng được lâu, kẻ tội nhân bị dẫn ra chợ để hành hình. Mỗi bước mỗi cận kề cái chết”. Lại nữa, kinh Ma-da có kệ rằng:

*“Giống hệt kẻ đồ tể
Xua bò tới lò mổ,
Mỗi bước gần đất chết,
Mạng sống nhanh hơn nữa!”*

Bậc đại Thánh khi nhập Niết-bàn, thể tính chưa viên dung hẳn. Dù đã phân chứng được quả vô sinh, vẫn còn bị ba tướng chi phối, huông hồ kẻ phàm phu cách xa tịnh cảnh, thiện ác lẫn lộn, đen trắng chưa phân, sao thoát khỏi tội lỗi nhiễm yêu, oan khiên vướng tục? Nghe nói xuất gia tốt đẹp, chớ bảo không có điều ác; tại gia lầm lạc, chớ bảo không có điều tốt. Tại gia nếu cố tu trì phạm hạnh thì cũng tốt đẹp như xuất gia. Nếu xuất gia nhưng tâm trí sai trái tín thành, cũng chỉ được bề ngoài cạo tóc mà thôi! Kẻ tại gia công tư bận rộn, thân thích vấn vương, cốt cấu lợi lộc, nhưng cũng không nên keo kiệt. Bậc Sa-môn thanh tịnh, trợ trợ một thân, chỉ cần vài bộ pháp phục, mấy món đồ dùng. Nhu cầu nhiều nhất, cũng chỉ trăm phần chọn một, tích lũy làm gì! Điều này, Phật pháp có giải thích rõ ràng, răn dạy đầy đủ trong không luật. Nếu tiếc rẻ bủn xỉn lời pháp, của tiền không chịu đem ra bố thí cho kẻ ngu si nghèo khó, sẽ không thành tựu tuệ nghiệp và thối thất phẩm vị Thánh thai. Thậm chí, phạm một tội nhỏ, phải biết lo sợ rất nhiều. Thường khiêm cung với mọi người lớn nhỏ, không được ngã mạn tự đại, khinh rẻ tiền nhân. Nếu phạm tội lớn như sấm sủa nhà cửa ruộng vườn, gom góp tiền tài của cải, kinh doanh theo kiểu thế gian, thật là tội lớn tày đình, còn gì nói nữa! Nay tạm bàn luận loại Tăng hạng trung bình trở xuống, vốn học thức nông cạn, lại tự cho tài trí hơn người, nổi lên ngã mạn phóng túng ra mặt, khinh khi lấn lướt mọi người. Vênh váo coi Trời bằng vung, ngông nghênh trước mặt tôn trưởng, nạt nộ bên vai vương công. Đạo cốt nhu hòa, nếu tâm tướng đã sai trái đến thế, liệu còn xứng đáng làm Tăng? Hoặc có kẻ chuyên tâm vào ngoại điển, say mê đàn hát đánh cờ, đọc tụng thi thơ, tiêu khiển ngày tháng. Nội điển là liều thuốc Thánh cứu độ chúng sinh. Diệu chỉ cao thâm, văn từ tuyệt tác. Một câu hiểu rõ, ý nghĩa vô cùng. Kinh luận dịch ra mới cũ, số lượng lên đến mấy nghìn, chưa từng để mắt xem qua. Ngoại điển chưa cần, lại miệt mài nghiên ngẫm. Nếu sợ người đời chê cười ta không rành sách vở thế gian, sẽ chưa đáng sợ bằng kẻ thế gian đến hỏi nghĩa lý kinh điển mà ta không trả lời được. Xấu hổ vì ở trong đạo mà không rành sách vở ngoài đời, thật ra, chưa đáng xấu hổ. Ở trong đạo mà không rành giáo lý trong đạo mới đáng xấu hổ thậm tệ!

Bởi lẽ sắp đến thời kỳ mạt pháp, mạng sống càng ngắn ngủi hơn,

vô thường chờ chực cận kề, chưa biết sớm tối. Chỉ lo một nỗi dọa xuống địa ngục, muôn kiếp khó ra. Cơ duyên gặp gỡ Phật pháp thật là vô vọng. Tuy Phật chuyên tâm học hỏi kinh luận, cũng được phép đọc thêm một phần ngoại điển, để hàng ngoại đạo khi cần. Đây là điều dành riêng cho các bậc thượng phẩm thượng trí. Rành rẽ nội điển, hiểu thông ngoại điển để biện luận sắc sảo, dẫn chứng trùng với kinh điển. Nội ngoại đều nghiên cứu sâu xa, xứng đáng là bậc tôn túc. Cần phải lượng lấy sức mình, mỗi khi gặp chuyện, đối phó bối rối vụng về, tâm thức tối tăm ngu muội như ngậy, không cứu nổi mình, liệu đủ sức hoằng pháp lợi vật? Mùi vị màu mè chưa tỏ, làm sao phân biệt đậu, mè? Nguyên sao tất cả đều quay lại chính mình, mau mau thức tỉnh để tinh tiến học hỏi. Vì thế, kinh Niết-bàn có nói: “Đức Phật bảo các Tỳ-kheo rằng: “Người xuất gia nên tu tập tuệ học, nghiên cứu nội điển, không được đọc ngoại điển, thiên văn. Thường ở các tịnh thất vắng lặng trong núi sâu, bên đầm lớn để tu tập Thiên định, hành lễ tụng kinh, hiển chân pháp vọng. Đó là tôn chỉ phải tuân theo”.

Lại nữa, trong kinh Thúc-ca nói: “Con của vị Bà-la-môn Thúc-ca bạch đức Phật rằng: “Nếu kẻ tại gia biết tu tập phước đức, thiện căn có thể hơn kẻ xuất gia. Điều này có thật chăng?” Đức Phật đáp: “Ta nghĩ vấn đề không hẳn như thế, nhưng nếu kẻ xuất gia không chịu tu tập thiện căn thì sẽ không bằng người tại gia. Nếu kẻ tại gia biết tu tập thì sẽ hơn kẻ xuất gia.

Lại nữa, kinh Đại-Tăng-uy-nghi (Tam-thiên-uy-nghi) nói: “Bốn phạm của kẻ xuất gia là : 1. Tọa thiền, 2. Tụng kinh, 3. Lo các pháp vụ khuyến hóa, Nếu làm đầy đủ ba bốn phạm này đúng là người xuất gia. Nếu không làm đầy đủ thì chỉ là kẻ sống suông chết suông, gây nhân thọ tội mà thôi”.

Lại nữa, kinh Bách-dụ nói: “Ngày xưa có người dùng lửa và nước lạnh, giữ lửa bằng cách đổ nước lạnh vào bình tắm rồi đặt lên lửa. Sau đó, muốn lấy lửa thì tắt, muốn lấy nước lạnh thì nước lạnh lại nóng lên, mất luôn cả lửa lẫn nước lạnh. Người thế gian một khi xuất gia cầu đạo, tu theo Phật pháp, nếu còn quyến luyến vợ con và thú ngũ dục, sẽ đánh mất lửa công đức và nước trì giới của chính mình. Kẻ lưu luyến dục vọng cũng sẽ như thế”.

Lại nữa, trong kinh Niết-bàn, đức Phật nói: “Sau khi ta nhập Niết-bàn, các đệ tử của hàng Thanh văn ngu si sẽ phá giới ham thích cạnh tranh, bỏ kinh điển để đọc tụng sách vở văn chương ngoại đạo, cất giữ các vật bất tịnh, lại nói ta cho phép làm như thế. Ấy là những kẻ đem

trầm hương đổi lấy ngói gỗ, đem vàng ròng đổi lấy đồng thô, đem bạc trắng đổi lấy chì thiếc, đem lụa bạch đổi lấy vải mỏng, đem cam lồ đổi lấy độc dược”.

Lại nữa, kinh Di-giáo nói: “Ban ngày tinh tiến tu tập các pháp thiện, đừng uống phí thì giờ. Đầu hôm và canh khuya cũng đừng xao lãng. Nửa đêm thì tụng niệm cho qua, đừng ngủ say sưa đến hết đời này mà chẳng thành tựu được gì. Nếu theo đó thực hành, có thể chứng được quả vị tứ phẩm Sa-môn, thậm chí quả vị A-nậu-Bồ-đề. Người thực hành như thế mới gọi là mẫu mực của chốn rừng lâm, phước điền chân chính tốt lành và được phép thọ lãnh cúng dường của tín chủ”.

Lại nữa, luận Bà-sa nói: “Nếu tìm tòi sách vở ngoại đạo, tuệ nhãn sẽ không được phát huy, giống như người xem mặt Trời, mắt sẽ không nhìn thấy rõ. Nếu tìm tòi kinh điển Phật pháp, tuệ nhãn sẽ bừng sáng láng, giống như người xem mặt trăng, mắt sẽ nhìn thấy rất rõ. Nếu tìm tòi thế tục, giống như đánh đập lũ khỉ, chỉ bị văng bắn chất dơ. Nếu tìm tòi Phật pháp, giống như luyện kim, càng luyện càng ròng”.

Lại nữa, kinh Bồ-tát thiện giới nói: “Bồ-tát không đọc tụng kinh Phật, chỉ đọc tụng sách vở thế gian, sẽ mắc phải tội lỗi. Vì muốn bàn luận nghĩa lý để trả phá tà kiến thế gian, nếu đọc hai phần nội điển, một phần ngoại điển, sẽ không mắc tội. Tại sao? Vì đã nhận thức rõ ngoại điển là sai lầm, Phật pháp là chân thật. Vì cần hiểu biết về thế gian để không bị người thế gian khinh thường nên phải dẫn chứng bằng sách vở thế gian. Trái lại, nếu người tu học Phật pháp chỉ chuyên tâm học hỏi ngoại điển, bỏ phế nội điển, thì sẽ mắc tội. Dẫu muốn có kiến thức về thế gian, cũng chỉ nên tạm thời học hỏi để hàng phục ngoại đạo, nhưng phải biết chán nản xa lìa để tinh tiến tu học nội điển, cố sao ngày mỗi phần phát hơn. Nếu lệch lạc đam mê ngoại điển, sẽ làm băng hoại chánh pháp.” Vì thế, luận Địa-trì nói: “Nếu Bồ-tát lìa bỏ, không chịu học hỏi lời đức Phật dạy, để tập tành theo tà thuyết ngoại đạo và kinh sách thế gian, sẽ phạm vào tội nhiễm ố mà nhiều người hay phạm. Nếu kẻ thông minh thượng trí tháng ngày mau mắn học tập hai phần nội điển, một phần ngoại điển, nhưng không bị động tâm, sẽ không mắc tội. Nếu đam mê không rời, không sinh tâm chán nản tà thuyết ngoại đạo và kinh điển thế gian, sẽ phạm vào tội nhiễm ô mà nhiều người hay phạm”.

Tụng rằng:

*Đông đến, chôn thay lốt;
Xuân về, tầm nhả tơ.*

Hình hài chịu gò bó;
Tâm thức tự đối lừa.
Trẻ nhỏ vỗ bụng hát.
Vui đùa suốt tuổi thơ.
Giọng xe tìm hiệp sĩ;
Rót rượu giỡn ca nhi.
Chỉ nghĩ vui trước mắt,
Đâu hay khổ vạn đời?
Giật mình, chợt tủi
thẹn, Ái ân, xin giã từ!
Nguyện biết rõ hư thật,
Phân biệt đường sạch dơ.
Xấu hổ vì ngũ cái
Che lấp hết tứ y.

Thiên thứ 15: KHUYÊN NHỦ DẪN DẮT

Gồm có bốn phần: Thuật ý, Dẫn chứng, Phát tâm tin tưởng, nghiệp nhân.

Thứ nhất: PHẦN THUẬT Ý

Than ôi! Giàu nghèo không chắc chắn, sang hèn chẳng bền lâu, giống nước lửa đắp đổi, nóng lạnh tiếp nhau. Thế nên, thấy có kẻ tiền nhiều nhà ấm, áo rộng ăn uống no đủ, không mệt nhọc kiếm tìm, tự nhiên có được; lại có kẻ nghèo nàn khổ sở, đói khát rách bươm vất vả bon chen, thức khuya dậy sớm, hình hài trở nên gầy gò, tinh thần đâm ra khốn quẩn. Nếu kiếm được đôi chút, cũng bị phân tán trăm đường. Suốt ngày cầu mong dư dả, nhưng không thể được. Vì cảnh khổ này, mới khuyên nhủ bố thí rộng rãi, cố gắng tu phúc. Như có người mặc áo hồ cừu, trang sức lộng lẫy, đẹp để thơm tho, bốn mùa thay đổi, ăn mặc theo thời, không hề thiếu thốn; nhưng cũng có người một tấc không lành, nửa mảnh rách nát, đen đui dơ bẩn, hôi hám thối tha. Nóng nực không biết vải thưa, giá rét không hay len nỉ, thậm chí lộ liễu thân thể, chỗ kín nam nữ không che. Chẳng những đáng nhục nhã, còn phải đáng thẹn thùng! Nếu thấy cảnh khổ này, há không nên tránh? Vậy mới khuyên nhủ tu phúc, bố thí y phục, thậm chí phòng ốc. Lẽ nào không thấy mọi người đều có, riêng ta lại không? Vì thế, cần phải dừng mãnh tu tập. Như thấy có người ăn toàn món ngon cao lương mỹ vị, ngồi thì bàn chông ghế xếp, nệm kếp chiếu đôi, thơm tho sức nức, nhưng cũng có người cơm lức không no, canh rau vẫn thiếu, hạt muối múi chanh không có, cá thịt hiếm hoi, thậm chí ngày nhịn ngày ăn, cháo hồ đổi bữa, rau quả chêm thêm. Ốm ong vàng vờ, khốn đốn khó qua. Nếu thấy cảnh khổ này, há không nên tránh? Vậy mới khuyên nhủ tu phúc, bố thí đồ uống thức ăn. Lẽ nào mọi người đều đầy đủ, riêng ta lại chịu khốn khó? Vì thế, cần phải dừng mãnh tu tập. Như có người địa vị hiển vinh, ngựa xe giông ruổi, mặc sức tự do. Đi thì Trời người chiêm ngưỡng, đứng thì quỷ thần nể vì; nhưng cũng có người thấp kém hèn hạ, không ai đếm xỉa, dở sống dở chết bên bãi sinh lầy hay giữa đồng đất nát. Dầu mở miệng kêu ca, chỉ bị roi đòn khổ sở. Không những quỷ thần khinh miệt, thậm chí còn bị chó dữ cắn vồ. Nếu thấy cảnh khổ này há không nên tránh? Vậy mới khuyên nhủ tu phúc, dứt bỏ ngã mạn, giữ lòng khiêm nhường. Lẽ nào mọi người luôn luôn sang quý, riêng ta chịu mãi đê hèn? Vì thế, cần phải dừng mãnh tu tập. Như thấy có người tướng mạo trang nghiêm, nói năng lưu loát, rộng lượng giúp người, nhân từ bác ái, lời không hại

vật; nhưng cũng có người mặt mày xấu xí, lời nói hiểm cay, chỉ biết bo bo ích kỷ, chẳng nghĩ đến ai. Người kia nhẫn nhục nên được quả lành, kẻ này sâu độc nên chịu ác báo. Nếu thấy cảnh khổ này, há không nên tránh? Vậy mới khuyên nhủ tu phúc trừ bỏ giận hờn, giữ lòng nhẫn nhục. Lẽ nào mọi người thường ở cõi tốt lành, riêng ta mãi chịu xa lìa tịnh cảnh? Vì thế, cần phải dừng mãnh tu tập. Như lại có người tâm sức cương cứng, ít mang bệnh tật, tinh tiến hành đạo, không bị cản ngăn; nhưng cũng có người ốm yếu hay đau, khí chất bạc nhược, cử động không nổi, nằm ngò không yên. Thấy cảnh xấu này, phải mau xa bỏ. Vậy mới khuyên nhủ tu phúc, bổ thí thuốc men, kịp thời cứu giúp. Lẽ nào mọi người đều khỏe mạnh, riêng ta lại chịu đau ốm triền miên? Vì thế, cần phải dừng mãnh tu tập. Mọi cảnh ngộ trên đây, đều đáng đem tâm khuyên nhủ. Nếu không, sẽ trở nên những người tu học không chút tinh tiến.

***Thứ hai:* PHẦN DẪN CHỨNG**

Như kinh Niết-bàn nói: “nhà cửa như lao ngục, vợ con như gông cùm, của tiền như gánh nặng, thân thích như oan gia. Tuy thế, suốt ngày đêm sáu thời, biết giữ giới hành lễ, ba tháng hạ trong năm giữ đúng sáu phép chay kiêng, muối dưa đạm bạc, kiểm điểm ba nghiệp thân khẩu ý, không buông lung phóng túng theo ngoại duyên, tôn sùng xuất thế, hâm mộ Phật pháp, không để lỗi lầm thiếu sót, đúng phép nằm ngò. Đêm quán tưởng lý sáng suốt, ngày tư suy phép thanh tịnh, kính trọng Sa-môn, xót thương muôn vật, nếu thực hành như thế, dầu ở thế gian, vẫn siêu thoát mọi khổ nan”. Thế nên, kinh có nói rằng: “Khi sắp vào thời mạng pháp, kẻ tại gia biết hộ pháp tu thiện, sẽ được sinh lên cõi Trời, giống như tuyết rơi tủa giữa không trung. Tỳ-kheo-phá giới sẽ bị đọa vào đường ác, giống như mưa đổ xuống từ Trời. Phải biết rằng trong khổ biết tu phúc, phúc sẽ to lớn vô cùng; trong phúc gây tội, tội sẽ rất nặng. Vì thế, từ khổ vào vui, chưa biết lạc thú của vui; từ vui vào khổ, mới biết cay chua của khổ”. Lời trên rất đáng chiêm nghiệm, xin hãy suy xét kỹ càng.

Lại nữa, kinh Pháp-cú-dụ có kệ rằng:

“Nóng sốt không gì bằng tâm dục.

Độc địa không gì bằng sân giận.

Đau khổ không gì bằng có thân.

An vui không gì bằng tịch diệt”.

Đức Phật nói kệ xong, bảo các Tỳ-kheo: “Vào vô lượng kiếp xa

xưa, có Tỳ-kheo tên là Tinh Tiến Lực ngồi tìm đạo dưới gốc cây trong chỗ núi non. Bấy giờ có bốn con thú hầu hạ hai bên rất hiền lành: một là nai, hai là quạ, ba là rắn độc và bốn là bồ câu. Bốn con thú này ban ngày chia nhau đi kiếm mỗi sinh sống, chiều đến, tìm về ở chung với nhau. Một đêm, bốn con hỏi nhau: “Trên đời, khổ nào nặng nhất?” Quạ đáp: “Khổ nhất là đói khát. Khi đói khát, thân yếu mất mồi, tâm thần không ổn. Lao vào lưới bẫy, không kịp thấy chĩa nhọn. Bọn ta mất mạng đều do đói khát gây ra, nên mới nói đói khát là khổ nhất đời”. Bồ câu đáp: “Khổ nhất là dâm dục. Khi lửa dục bùng lên, không kịp suy nghĩ. Thân nguy mạng mất đều do dâm dục gây ra”. Rắn độc bảo: “Khổ nhất là giận dữ. Một khi ác tâm nổi dậy, không kể đến thân sợ, có thể giết người mà cũng có thể tự giết lấy bản thân”. Nai bảo: “Khổ nhất là sợ hãi. Khi ta đứng giữa rừng, luôn luôn giật mình sợ hãi. Sợ hãi thợ săn, sợ hãi cả đến chó sói. Nghe mơ hồ có tiếng động, liền cầm đầu chạy trốn vào chốn hang sâu. Sợ hãi đến nỗi mẹ con lạc nhau, ruột gan tan nát. Vì thế mới nói sợ hãi là khổ nhất đời”. Tỳ-kheo nghe bọn thú nói xong, liền đáp rằng: “Lời bàn luận của các người chỉ nhắm đến phần ngọn, chưa đạt được phần gốc sâu xa của khổ đau. Khổ đau trên thế gian, không có gì nặng bằng có thân. Thân là vật chịu mọi khổ đau lo sợ vô cùng. Vì vậy, ta đã lìa bỏ thế gian để xuất gia cầu đạo, tiêu diệt mọi dục vọng, mơ tưởng, không tham lam vật chất để trừ bỏ gốc khổ, hướng đến tịch diệt an vui. Phải biết rằng thân chính là nguồn gốc của mọi khổ đau”. Do đó, sách thế gian cũng nói rằng: “Hoạn nạn lớn lao không gì bằng có thân”.

Thứ ba: PHẦN PHÁT TÂM TIN TƯỞNG

Như Kinh Na-tiên-Tỳ-kheo vấn Phật nói: “Bấy giờ, vua Di-lan hỏi Tỳ-kheo La-hán Na-tiên rằng: “Người thế gian làm ác, khi lâm chung niệm Phật, sẽ được sinh lên cõi Trời. Ta không tin điều này!” Nhà vua lại hỏi thêm: “Giết một mạng người, khi chết sẽ bị đọa xuống địa ngục. Ta cũng không tin điều này!” Tỳ-kheo Na-tiên hỏi lại nhà vua: “Nếu có người đem viên đá nhỏ đặt lên mặt nước, viên đá sẽ chìm hay nổi?” Nhà vua đáp: “Viên đá sẽ chìm”. Tỳ-kheo hỏi thêm: “Nếu đem hàng trăm viên đá lớn chất xuống thuyền, thuyền có chìm không?” Nhà vua đáp: “Không chìm”. Bấy giờ Tỳ-kheo mới giải thích: “Trong thuyền tuy có hàng trăm viên đá, nhưng nhờ sức chở, nên thuyền không chìm. Cũng thế, người kia tuy có tội, nhưng nhờ công đức một lần niệm Phật, nên không bị đọa xuống địa ngục mà được sinh lên cõi Trời. Chuyện

hiển nhiên như thế, tại sao nhà vua lại không tin? Viên đá nhỏ kia chìm xuống, cũng giống như người làm ác, không biết Phật pháp, khi chết đi, sẽ bị đọa xuống địa ngục. Tại sao nhà vua lại không tin?” Nhà vua khen rằng: “Hay thay, hay thay!” Tỳ-kheo lại bảo: “Nếu có hai người cùng chết, một người được sinh lên cõi Trời Phạm thiên thứ bảy, một người sinh vào nước Kế-tân. Hai người này tuy sống gần xa khác nhau, nhưng cái chết đến cùng một lúc. Giống như cặp chim đang bay. Một con đậu trên ngọn cây cao, một con đậu trên ngọn cây thấp. Khi cả hai cùng bay, bóng của chúng đều in trên mặt đất”. Tỳ-kheo bảo thêm: “Nếu người ngu làm ác, sẽ chịu quả báo lớn; người trí làm ác, sẽ chịu quả báo nhỏ. Giống như nung sắt trên đất, một người biết sắt nung nóng, một người không biết sắt nung nóng. Cả hai người đều đụng vào sắt, người không biết sắt nung nóng sẽ bị phỏng nặng hơn người biết sắt nung nóng. Làm ác cũng thế, người ngu không biết ăn năn, nên sẽ chịu quả báo nhiều hơn. Người trí lỡ làm ác, biết là điều không nên làm, nên hằng ngày ăn năn hối lỗi. Vì vậy, quả báo sẽ ít hơn”.

Lại nữa, kinh Tứ-phẩm-học nói: “Kẻ phàm phu đôi khi không bằng được súc sinh. Súc sinh đôi khi còn hơn hẳn người. Tại sao? Vì có người làm ác không ngừng, khi chết sẽ bị đọa xuống địa ngục. Hết tội mới làm nạ quỷ. Nạ quỷ hết tội, chuyển làm súc sinh. Súc sinh hết tội mới trở lại làm người. Vì phải ở trong đường súc sinh đến khi hết tội mới được trở lại làm người, nên cần làm việc thiện, phụng thờ Tam bảo, xa lìa mãi mãi ba đường ác, hưởng thụ phước báo ở cõi Trời người và sau này được vĩnh viễn giải thoát”.

Lại nữa, Kinh Tứ-thập-nhị-chương nói: “Đức Phật bảo: “Thế gian có năm điều khó: 1- Nghèo nàn mà bố thí là khó. 2- Giàu sang mà học đạo là khó. 3- Giữ tính mạng không chết là khó. 4- Gặp được kinh Phật là khó. 5- Được sinh vào đời có đức Phật là khó”.

Lại nữa, Kinh tạp-thí-dụ nói: “Trên thế gian có mười tám điều rất khó: 1- Gặp đời có đức Phật rất khó. 2- Giả sử gặp đời có đức Phật, được sinh làm người rất khó. 3- Giả sử làm người, được sinh vào nước trung tâm rất khó. 4- Giả sử ở nước trung tâm, được sinh vào nhà quý tộc rất khó. 5- Giả sử sinh vào nhà quý tộc, có đủ tứ chi và lục tình rất khó. 6- Giả sử đầy đủ tứ chi và lục tình, (lục căn) có tài sản rất khó. 7- Giả sử có tài sản, gặp được thầy bạn tốt rất khó. 8- Giả sử có thầy bạn tốt, được đầy đủ trí tuệ rất khó. 9- Giả sử đầy đủ trí tuệ, có thiện tâm rất khó. 10- Giả sử có thiện tâm, biết bố thí rất khó. 11- Giả sử biết bố thí, muốn gặp được người hiền thiện có đức rất khó. 12- Giả sử người hiền thiện,

gặp được bậc có đạo đức tìm đến rất khó. 13- Giả sử bậc có đạo đức tìm đến, được thích hợp rất khó. 14- Giả sử thích hợp, được nghe thuyết pháp rất khó. 15- Giả sử được nghe thuyết pháp, có trí tuệ hiểu đúng rất khó. 16- Giả sử có trí tuệ hiểu đúng, thọ trì kinh điển cao siêu rất khó. 17- Giả sử thọ trì kinh điển cao siêu, tu hành theo đó rất khó. 18- Giả sử thọ trì kinh điển cao siêu, theo đó tu hành, chứng được Thánh quả rất khó. Ấy là mười tám điều rất khó trên thế gian”.

Thứ tư: PHẦN NGHIỆP NHÂN

Kinh Phật-thuyết-thái-tử Loát-hộ nói: “Thái tử Loát-hộ của Quốc vương A-xa-thế bạch đức Phật rằng: “Do nhân duyên nào Bồ-tát có diện mạo trang nghiêm? Do nhân duyên nào không thụ thai trong bụng mẹ mà hóa sinh trên hoa sen? Do nhân duyên nào biết được tiền kiếp?”

Đức Phật bảo thái tử: “Nhờ nhẫn nhục nên có diện mạo trang nghiêm, không dâm dục nên hóa sinh và bảy ngày sau, biết rõ được vô số kiếp trước”.

Lại do nhân duyên nào có ba mươi hai tướng tốt? Lại do nhân duyên nào có 80 vẻ đẹp? Lại do nhân duyên nào khiến người chiêm ngưỡng sắc tướng của Bồ-tát không hề sinh chán nản?”

Đức Phật bảo thái tử: “Do Bồ-tát hoan hỷ bố thí các phẩm vật cần thiết cho chư Phật, Bồ-tát, sư trưởng, cha mẹ và chúng sinh nên có ba mươi hai tướng tốt. Do Bồ-tát có lòng Từ bi thương xót các chúng sinh thuộc loài thân thể yếu mềm khắp mười phương giống như con mình và muốn siêu độ tất cả, nên có được 80 vẻ đẹp. Lại xem kẻ oán thù như cha mẹ ruột, không khác chút nào, nên được người chiêm ngưỡng không hề chán nản”.

Lại do nhân duyên nào có trí tuệ hiểu thấu ý nghĩa của kinh điển cao siêu và thực hành phép đà-la-ni để ghi nhớ không quên? Lại do nhân duyên nào biết được đại định Tam-muội khiến tâm ý an ổn? Lại do nhân duyên nào khiến lời hiền thiện của Bồ-tát được mọi người hoan hỷ thọ trì?”

Đức Phật bảo thái tử: “do Bồ-tát thường sao chép, thọ trì học hỏi đọc tụng kinh điển nên có trí tuệ hiểu rõ ý nghĩa cao siêu và thực hành phép đà-la-ni để ghi nhớ không quên. Lại thường chuyên tâm Thiền định nên chứng được phép Tam-muội yên vui. Lời nói rất thành thật nên được mọi người tin tưởng”.

Lại do nhân duyên nào không sinh vào chỗ ác? Lại do nhân duyên nào được sinh lên cõi Trời? Lại do nhân duyên nào không ham thích

dục lạc?”

Đức Phật bảo thái tử: “Do Bồ-tát đời đời tin tưởng Tam bảo, nhờ đó không sinh vào tám chỗ ác. Do giữ giới không ngừng, nên được sinh lên cõi Trời. Do biết kinh điển nói tất cả vốn là không, nên không còn tham lam dục lạc”.

Lại do nhân duyên nào thân khẩu ý của Bồ-tát đều thanh tịnh? Lại do nhân duyên nào ma chướng không quấy phá nổi? Lại do nhân duyên nào tà đạo không phỉ báng nổi Tam bảo?”

Đức Phật bảo thái tử: “Do Bồ-tát kính yêu Tam bảo nên thân khẩu ý đều thanh tịnh, tinh tiến không lùi biếng nên ma quỷ không quấy phá nổi, hành động đều chí thành nên tà đạo không dám phỉ báng Tam bảo.”

Lại do nhân duyên nào Bồ-tát có tiếng nói cao vang êm ái như tiếng Phạm Thiên? Lại do nhân duyên nào Bồ-tát biết được 8 thứ tiếng? Lại do nhân duyên nào Bồ-tát biết được ý nguyện của chúng sinh để đáp ứng?”

Đức Phật bảo thái tử: “Do Bồ-tát đời đời chí thành không lừa dối, nên được tiếng nói cao vang êm ái như tiếng Phạm Thiên. Do Bồ-tát đời đời không nói lời ác dữ, nên biết được tám thứ tiếng. Do Bồ-tát không nói hai lưỡi, không nói dối nên có thể đáp ứng ý nguyện của chúng sinh.”

Lại do nhân duyên nào có thọ mạng lâu dài? Lại do nhân duyên nào thân không tật bệnh? Lại do nhân duyên nào gia đình hòa thuận yên vui, không chia lìa?”

Đức Phật bảo thái tử: “Do không sát sinh nên có thọ mạng lâu dài. Do không cầm binh khí hại người, nên làm người không có tật bệnh. Do hòa giải khi thấy đánh nhau, khiến được an bình, nên làm người không chịu cảnh chia biệt”.

Lại do nhân duyên nào được luôn luôn giàu có? Lại do nhân duyên nào không bị trộm cướp? Lại do nhân duyên nào có địa vị cao sang?”

Đức Phật bảo thái tử: “do không tham lam tiền tài của người khác nên được giàu có. Do hoan hỷ bố thí, không bủn xỉn, nên không bị trộm cướp mất mát tiền tài. Do tâm không ganh ghét nên được địa vị cao sang”.

Lại do nhân duyên nào có được thiên nhãn thấy suốt tất cả? Lại do nhân duyên nào có được thiên nhĩ nghe suốt tất cả? Lại do nhân duyên nào biết hết chuyện sinh tử của thế gian?

Đức Phật bảo thái tử: “do hảo tâm thấp hương đèn cúng dường

trước chư Phật, nên được thiên nhãn thấy suốt. Do hoan hỷ cử hành lễ nhạc trước điện Phật, nên được thiên nhĩ nghe suốt. Do hâm mộ Thiên quán định tâm, nên biết được chuyện sinh tử diễn biến của thế gian”.

Lại do nhân duyên nào được phi hành tự tại trong cõi Tứ Thiên? Lại do nhân duyên nào biết được chuyện xảy ra từ vô lượng kiếp trước? Lại do nhân duyên nào chứng được diệu quả rồi nhập Niết-bàn?”

Đức Phật bảo thái tử: “Do hoan hỷ bố thí các loại xe ngựa thuyền bè cho Tam bảo, nên được thần túc phi hành tự tại trong cõi Tứ Thiên. Do thường tinh tiến trì niệm phép Tam-muội của chư Phật, hoan hỷ giáo hóa chúng sinh, nên biết được chuyện xảy ra từ vô lượng kiếp trước. Do đạt được tâm địa bất thối nên có thể đoạn trừ được gốc rễ sinh tử để chứng đạo quả rồi nhập Niết-bàn.”

Tụng rằng:

*Mênh mông vũ trụ
Ngu xuẩn lẫn lú.
Lấy khổ làm vui,
Chẳng biết tiến thủ
Chẳng tuân chính lý,
Tuyên truyền giả dối.
Gọi pháp là mê;
Gọi thật là sáng.
Thần quang chiếu diệu,
Âm vang ảnh hưởng.
Quy y từ phụ,
Thế ngộ phước quả.
Cơ duyên hội ngộ
Do công đức trước.*

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG:

Trích dẫn sơ lược ba chuyện linh nghiệm:

1. Trúc Trường Thư đời Tấn. 2. Hình Hoài Minh đời Tống. 3. Vương Thúc Đạt đời Tống.

1. Trúc Trường Thư đời Tấn, tổ tiên gốc gác ở Tây Vực, gia thế giàu có, định cư ở Thiên Trúc. Khoảng niên hiệu Nguyên Khang đời Tấn (291-299), dời nhà vào Lạc Dương. Ông thờ phụng Phật pháp tinh thành, rất thích tụng kinh Quán Thế Âm. Về sau, lán giềng bị hỏa tai. Nhà ông đều cất bằng cỏ tranh, lại nằm dưới chiều gió. Ông nghĩ thế lửa đã cận kề, nếu thu gom đồ đạc, cũng chẳng còn được bao nhiêu, nên

không cho gia nhân khuôn vác ra ngoài, cũng chẳng tưới nước cứu chữa, chỉ chuyên tâm tụng kinh cầu nguyện. Một lát, lửa cháy rụi nhà lán giềng, chỉ cách nhà ông một hàng rào. Tự nhiên gió dừng, lửa chỉ liếm qua mái nhà ông rất tắt. Mọi người đều cho là chuyện linh dị. Trong làng có đám thiếu niên nghịch cùng phỉ báng rằng: “Chẳng qua nhờ gió đổi chiều, có gì linh thiêng! Chờ đêm nào khô hạn, thử đốt nhà ông ta, nếu không cháy mới tin được!” Ít lâu, Trời hạn hán, gió nóng thổi mạnh. Đám thiếu niên ấy hòa nhau liệng đuốc lên mái nhà. Liệng đến ba lần, đuốc đều tắt cả. Đám thiếu niên ấy thất kinh, đều bỏ chạy. Sáng mai, đám thiếu niên ấy dắt nhau đến nhà ông cúi đầu xin tạ tội. Ông từ tốn đáp rằng: “Ta chẳng có phép thần gì, chẳng qua nhờ tụng kinh Quán Thế Âm nên được che chở mà thôi. Các cậu nên sửa mình, quy y tin tưởng Phật pháp.” Từ đó, trong xóm làng đều tin tưởng vào thần uy linh dị của đức Quán Thế Âm.

2. Hình Hoài Minh đời Tống, vốn người Hà Gian, làm tham quân cho đại tướng nước Tống. Có lần theo Châu Hoàn, thái thú Nam Quận, lên đánh dẹp mạn Bắc, sa phải vòng vây, bị thua trận. Lén tìm chỗ sơ hở trốn thoát được. Ngày núp đêm đi, được ba hôm, vẫn còn sợ bị giặc đuổi theo bắt lại, liền sai người đi trước xem động tịnh. Người ấy đi đã mấy ngày vẫn chưa thấy về báo lại tình hình. Đêm ấy, Trời chuyển mưa tối tăm mịt mù, gập sáng thì người ấy chạy về, kinh hãi nói rằng: “Nhìn xa xa thấy có ánh lửa thật sáng nên cố chạy lại, dè dặt vừa đến nơi thì Trời lại tối đen”. Mọi người đều lấy làm lạ. Trước đây, ông đã biết thờ Phật, khi hành quân, luôn đội kinh Quán Thế Âm trên đầu và đọc tụng không ngừng. Đêm ấy, ông cũng đang đọc thầm, bèn ngờ rằng nhờ thần lực của kinh mới được như thế. Do đó, ông càng liên tục cầu nguyện nên được xá tội. Năm Nguyên Gia thứ 17 (440), ông đang ở trong nhà tại kinh thành, bỗng có vị Sa-môn đến bảo rằng: “Bần đạo nhận thấy trong xóm này, nhất là nhà ngài, đều có mùi máu huyết đáng ghê, nên dời nhà đi chỗ khác”. Nói xong, bỏ đi ngay. Ông vội bước theo thấy Sa-môn vừa ra khỏi cổng, liền biến mất. Lòng ông đâm ra bực dọc vô cùng. Hai tuần sau, người hàng xóm Trương Cảnh Tú đã thương cha ruột và giết chết cha vợ. Ông cho rằng đã ứng vào điềm máu huyết, mọi chuyện chắc đã yên. Bấy giờ, Lưu Kính Văn đều ở cạnh nhà ông trong xóm. Năm ấy, vì liên lụy vào bè đảng của Lưu Trạ, nên tất cả đều bị kết tội tru di.

3. Vương Cầu đời Tống, tự là Thúc Đạt, vốn người Thái Nguyên, làm thái thú tại Phù Thành. Năm Nguyên gia thứ 9, vì để mất quận, bị

kết tội giam vào ngục, phải mang gông cùm bằng sắt rất kiên cố nặng nề. Từ trước, ông đã giữ đạo tinh chuyên, đến khi bị tội, càng thêm dốc chí. Hơn trăm tù nhân trong ngục đều đói khát. Đến bữa ăn, ông hay nhịn bớt để Bố thí. Ngày ngày chay kiêng, thành khẩn niệm danh hiệu Quán Thế Âm. Một đêm, nằm mơ được lên tòa cao, thấy vị Sa-môn trao cho quyển kinh tên là Quang Minh An Hành Phẩm có danh hiệu các vị Bồ-tát. Ông mở ra đọc, nhưng quên mất danh hiệu vị Bồ-tát thứ nhất. Vị thứ nhì là Quán Thế Âm, vị thứ ba là Đại Thế Chí. Ông lại thấy một vị Sa-môn xa_luân nói rằng: “Đây là xa_luân trong năm đường”. Khi tỉnh dậy, gông cùm đều được mở ra. Ông biết nhờ có thần lực, nên càng thêm tin tưởng và tự đóng lại gông cùm như cũ. Ba hôm sau, ông được tha tội. (Ba chuyện trên đây rút từ Minh Tường Ký)

Thiên thứ 16: NÓI VÀ NGHE

Gồm có 9 phần: Thuật ý, Dẫn chứng, Nghi thức, Trái chánh pháp, giảng chúng, Tiệm đốn, Bố thí pháp Báo ân, Lợi ích.

Thứ nhất: PHẦN THUẬT Ý

Xét rằng: Đạo sử nghĩa nặng, tuệ học đứng đầu; tu cốt nghĩa lý, sâu xa mới tốt. Thế nên, Mã Minh chấn chỉnh phép tắc suy vong; Long Thọ phát triển biện luận Đại-Tiểu, Tuệ Triệt sáng suốt đề cao Thanh luận. Công đức các vị nói trên thật đáng ghi nhận, nhằm xóa bỏ mọi nghi nan kết tập từ trước. Tuy nhiên, chỉ học mà chẳng nói ra, khổng tử lấy làm lo lắng; nghĩa lý không hiểu trọn vẹn, đức Phật vẫn thường khuyên răn. Kinh nói: “Cúng dường pháp bảo hơn hẳn mọi thứ cúng dường”. Sách thế gian nói: “Người thiện là thầy của kẻ bất thiện; kẻ bất thiện là học trò của người thiện”. Nói và nghe đúng sẽ thông tình đạt lý; nghe và nói sai sẽ khó dung hòa. Thế nên, một tượng mất đi, sáu hào sẽ đổ; một lời sai nghĩa, lăm kiếp chịu tai ương. Mới biết, truyền pháp không dễ, nghe pháp càng khó. Do cách đức Phật ngày một lâu hơn, lời huyền càng trở nên đối nghĩa, khiến người nghe, người nói càng khó thành công, dễ bị danh lợi bận lòng, bụi trần nhiễm chặt!

Thứ hai: PHẦN DẪN CHỨNG

Như luận Trung-quán có kệ nói:

*“Chánh pháp và người nói,
Người nghe, rất khó gặp.
Vì thế, lẽ sinh tử
Chẳng hữu hạn, vô hạn”.*

Lại nữa, luận Thập-địa nói: “Do người nói và người nghe không cân xứng với pháp, nên gây ra hai khuyết điểm: 1- Khuyết điểm do nói không cân xứng. 2- Khuyết điểm do đức Phật không tùy hỷ”. Vì thế kinh Đại-tập có kệ nói:

*“Nếu chúng sinh thiếu căn pháp khí,
Đức Phật sẽ mở lượng Từ bi,
Tìm đủ mọi cách, đợi thời cơ,
Khiến cho chúng sinh được giải thoát”.*

Luận Đại-trang-nghiêm có kệ nói:

*“Có nghe mới hiểu rõ.
Chưa nghe, chớ phỉ báng.
Vô số điều chưa nghe,*

Phỉ báng, sẽ si ám”.

Luận bảo-tính có kệ nói:

*“Ngu si và ngã mạn,
Thích tu theo tiểu pháp.
Phỉ báng pháp, pháp sư
Sẽ bị chư Phật trách!
Ngoài hiện các uy nghi,
Trong thiếu lời Phật dạy,
Phỉ báng pháp, pháp sư,
Sẽ bị chư Phật trách!”*

Hiện nay, đám sơ học trong đạo ngoài đời đua nhau tự mãn, giữ chặt mê mờ.

Về mặt văn từ nghĩa lý, có ý tự thị, lấn lướt kẻ khác, dẫn đến khinh dễ coi thường. Vì thế, luận Địa-trì có nói: “Theo văn chọn nghĩa, có năm điều sai: 1- Không có chánh tín. 2- Thối thất đồng mãn. 3- Nói dối chúng sinh. 4- Coi thường chánh pháp. 5- Phỉ báng chánh pháp. Người nói còn câu bợn trong tâm, liệu người nghe có thể sinh lòng tin tưởng? Nếu tâm thanh tịnh thuyết pháp, dầu còn sinh tử, sẽ biến thành Niết-bàn. Nếu tâm ố tạp thuyết pháp, dầu là Niết-bàn, cũng biến thành sinh tử”.

Lại nữa, kinh Niết-bàn nói: “Đại thừa vừa là cam lộ, cũng vừa là độc dược. Biết tiêu dùng là cam lộ, không biết tiêu dùng sẽ trở nên độc dược. Giống như có người pha độc dược vào sữa thì sẽ giết chết kẻ uống”. Thế nên, luận Bảo-tính có kệ nói rằng:

*“Vô tri, không biết rõ,
Bạc xấu, tổn đức hạnh.
Nhện độc rơi vào sữa,
Sữa sẽ trở thành độc”.*

Lại nữa, kinh Thập-Luân nói: “Như giới quý tộc và nô lệ thấy có người xuất gia theo chánh pháp của ta, từ bậc Thanh văn, Bích-chi Phật đến pháp sư thuyết pháp giáo lý đại thừa, nếu phỉ báng, nhục mạ, khinh miệt chánh pháp, hoặc khủng bố, cản trở họ, sẽ bị đọa xuống địa ngục Vô Gián. Nếu thường đem lòng thù hận họ, hoặc phỉ báng nhục mạ chánh pháp của ta, không chịu tin tưởng thọ trì, hoặc phá hoại chùa xá, tàn sát các vị Tỳ-kheo, mọi thiện căn tu tập trước đây đều bị hủy diệt; khi lâm chung tứ chi sẽ đau đớn như bị lửa thiêu đốt, cuống họng sẽ bị co thắt mạnh, miệng sẽ bị cứng, không nói được nhiều ngày; khi chết sẽ bị đọa xuống địa ngục vô gián”.

Thứ ba: PHẦN NGHI THỨC

Như kinh Đại-Tăng-uy-nghi (Tam-thiên-uy-nghi) nói: “Khi lên tòa cao đọc kinh, thực hành năm nghi thức:

1. Trước tiên lạy Phật.
2. Lạy kinh pháp Thượng Tọa .
3. Dẫm một bàn chân lên chỗ ngồi đặt ngay ngắn trên A-Tăng-đề.
4. Xoay trở lại, hướng lên tòa.

5. Tựa tay lên chỗ ngồi rồi ngồi xuống; khi đã an vị, thực hành năm nghi thức: 1. Sửa pháp y tề chỉnh, ngồi ngay ngắn. 2- Kiên-chùy vừa dứt tiếng, tán đọc bài kệ. 3-Đọc kinh theo cơ duyên. 4- Gặp người không vừa ý, Không được sân giận trên tòa. 5- Có người mang lễ vật cúng dường, nên đặt ra phía trước. Lại nữa, muốn hỏi kinh , cũng có năm nghi thức: 1- Theo đúng phép, phải bước xuống tòa để hỏi. 2- Không được ngồi trên tòa cùng hỏi nhau. 3- Có giải thích rồi, không được đến hỏi ngang. 4- Không được để tâm xao lãng theo tạp duyên. 5- Khi giải thích xong, cúi đầu sát mặt đất hành lễ rồi, mới quay bước ra cửa”.

Lại nữa, luận Thập-trụ-tỳ-bà-sa nói: “Pháp sư muốn an vị trên tòa Sư tử, phải thực hành bốn nghi thức: 1- Trước tiên, cung kính lễ bái đại chúng rồi mới bước lên tòa cao. 2- Nếu đại chúng có nữ giới, phải quán bất tịnh. 3- Nhìn đại chúng một cách oai nghi, có phong thái của bậc tôn trưởng. Diển giảng pháp âm bằng khí sắc ôn hòa, vui vẻ, đại chúng sẽ tin tưởng thọ trì. không nhắc đến sách vở ngoại đạo. Giữ tâm không khiếp sợ. 4- Đối với lời vấn nạn lỗ mãng, nên giữ phép nhẫn nhục. Còn có bốn nghi thức: 1- Nghĩ cách giúp ích mọi người. 2- Không có ý ngã mạn đối với mọi người. 3- Không cố chấp chánh pháp theo văn tự. 4- Cầu nguyện mọi người nghe pháp đều hướng đến cứu cánh A-nậu-Bồ-đề, đừng mất tinh tiến, không thối thất đạo tâm. Lại còn có thêm bốn nghi thức: 1- Không xem thường chính mình. 2- Không xem thường người nghe. 3- Không xem thường lời mình nói. 4- Không mưu cầu lợi lộc”.

Lại nữa, Kinh văn-thù-sư-lợi-vấn nói: “Văn-thù-sư-lợi bạch đức Phật rằng: “Vào những lúc nào tứ chúng không được gây ra tiếng ồn bằng thân, miệng, gỗ, đá, hoặc các loại tiếng khác?” Đức Phật đáp Văn-thù-sư-lợi: “Có sáu lúc không được gây ra tiếng ồn: Lúc lạy Phật, lúc nghe pháp, lúc đại chúng tụ hội, lúc khát thực, lúc ăn và lúc đại tiểu tiện”. “Tại sao những lúc này không được gây ra tiếng ồn?” Đức Phật đáp: “Trong những lúc này, có chư Thiên hiện xuống. Chư Thiên thường có các tâm thanh tịnh, Tâm vô nhiễm, tâm vắng lặng, tâm tùy

ba-la-mật, tâm quán Phật pháp. Những tiếng ồn kia khiến tâm không định được, nên chư Thiên sẽ bỏ về. Bấy giờ, ma quỷ sẽ kéo đến làm hại, gây bất an, sẽ sinh ra hỏa hoạn, nhân dân đói khát, xâu xé lẫn nhau. Nay văn-thù! Cần phải lặng lẽ lễ Phật”. Rồi đức Phật nói kệ rằng:

*“Không gây tiếng thân miệng,
Đá, gỗ và tiếng khác.
Người lặng lẽ lễ Phật
Sẽ được Phật tán thán”.*

Lại nữa, kinh Phật-bản-hạnh nói: “Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: “Từ nay trở đi, quy định các đệ tử không được mời những người căn cơ si độn và không giữ gìn giới luật ra thuyết pháp. Nên mời những người có đầy đủ đức hạnh trong đại chúng, hiểu nhiều kinh điển, giới luật, thiên văn thông thạo chữ nghĩa và có tài diễn thuyết. Số Tỳ-kheo ấy được ngồi phía dưới, theo thứ tự được sai phái ra thuyết pháp cho đại chúng. Nếu người thứ nhất mệt mỏi, sẽ mời người thứ hai. Nếu người thứ hai mệt mỏi, sẽ mời người thứ ba. Cứ thế lần lượt đến người thứ tư, thứ năm trong số đó. Bấy giờ, các tín chủ thấy các pháp sư ấy có biện tài lưu loát, biết cách thuyết pháp, liền đem các loại hoa hương rải lên. Các Tỳ-kheo ấy lấy làm áy náy dè dặt, không nhận lãnh, vì đức Phật từng cấm người xuất gia không được dùng các loại bột hương rắc, xức các hoa mạn trang sức. Các tín chủ thấy thế, xôn xao bàn tán: “Các Tỳ-kheo này được cúng dường những phẩm vật nhỏ nhoi đến thế, còn không chịu nhận, huống hồ những phẩm vật quý hơn?” Các Tỳ-kheo bèn đem mọi chuyện bạch cùng đức Phật. Phật đáp rằng: “Này các Tỳ-kheo! Nếu các thí chủ thế gian hoan hỷ phát tâm đem các loại bột hương rắc, xức và hoa mạn trang sức rải lên các pháp sư. Ấy là điềm rất lành, hãy thọ lãnh!” Do đó, các thí chủ thế gian bèn đem cúng dường đủ loại phẩm vật như tiền tài, báu vật và cà-sa. Các Tỳ-kheo đâm ra lo âu hổ thẹn, không dám thọ lãnh. Các thí chủ xôn xao bàn tán: “Các Samôn đệ tử của đức Phật Thích-ca được cúng dường ngần ấy phẩm vật, còn không dám nhận, huống hồ những phẩm vật quý báu hơn?” Các Tỳ-kheo lại đem mọi chuyện bạch cùng đức Phật. Đức Phật đáp rằng: “Này, các Tỳ-kheo! Nếu các thí chủ thế gian đem các loại tài vật và cà-sa đến cúng dường với lòng hoan hỷ, ta cho phép tùy nghi thọ lãnh hay không thọ lãnh. Nếu ai cần đến thì được pháp thọ lãnh. Nếu không cần đến thì trả lại cho thí chủ”. Bấy giờ, có các Tỳ-kheo chọn lựa nghĩa lý quan trọng trong kinh đem ra nói lại cho người khác, không tuân theo thứ tự kể trên. Sau đó, cùng đâm ra lo sợ trái với kinh luật, nên bạch

cùng đức Phật. Đức Phật đáp rằng: “Ta cho phép tùy nghi chọn lựa nghĩa lý quan trọng trong kinh, đối chiếu lại với văn từ để giảng thuyết cho người khác, nhưng phải đúng với ý kinh, không được sai khác”.

Lại nữa, Kinh Phật-bản-hạnh nói: “Bấy giờ, các Tỳ-kheo tụ tập trong một gian nhà, có hai Tỳ-kheo cùng ra thuyết pháp, gây phiền hà cho nhau. Do đó, mới cất lên hai gian nhà, mỗi Tỳ-kheo thuyết pháp trong một gian riêng, nhưng vẫn còn gây ra phiền hà. Các Tỳ-kheo trong nhà này dẫn nhau sang nhà kia. Các Tỳ-kheo trong nhà kia lại dẫn nhau sang nhà này. Qua lại lộn xộn, gây nên náo loạn. Tranh nhau qua lại như thế, khiến pháp sự đình đốn. Có Tỳ-kheo không thích nghe các Tỳ-kheo ấy thuyết pháp. Đại chúng thấy thế, liền đem mọi chuyện bạch cùng đức Phật. Đức Phật bảo: “Từ nay trở đi, không cho phép hai người thuyết pháp chung trong một nhà. Cũng không cho phép cất hai nhà gần nhau, khiến âm thanh vang dội, gây nên phiền hà. Cũng không cho phép Tỳ-kheo bên nhà kia chạy sang bên này, cũng như bên nhà này chạy sang bên kia. Lại cũng không cho phép ghét bỏ người nào không thích nghe các Tỳ-kheo ấy thuyết pháp. Nếu ai ghét bỏ, sẽ theo pháp trị”.

Lại nữa, luật Tứ-phần cũng không cho phép hai Tỳ-kheo cùng thuyết pháp trong một nhà, cùng ngồi trên tòa cao kê cận nhau, hai giọng cùng thuyết pháp, ngậm nga tán bá. Mọi thứ ấy đều không cho phép. Các luật khác cũng không cho phép pháp sư ngồi trên tòa cao để tín chủ rải hoa. Nếu hoa dính lên người, phải phủi xuống.

Lại nữa, luật Thiện-kiến nói: “Khi pháp sư thuyết pháp cho đại chúng, nếu nữ giới nghe, nên lấy quạt che mặt, không được cười lộ răng. Nếu ai cười, phải đuổi ra. Tại sao thế? Bởi vì đức Phật thương xót chúng sinh nên mới đem lời vàng giáo hóa. Các người phải đem lòng hổ thẹn lắng nghe, cố sao lại vui cười”.

Thứ tư: PHẦN TRÁI CHÁNH PHÁP

Như Kinh Phật Tạng nói Đức Phật bảo Xá-lợi-phất: “Sau này, các Tỳ-kheo sẽ ham đọc ngoại điển, khi thuyết pháp, sẽ trau chuốt ngôn từ để mọi người vui thích. Bấy giờ, ác ma sẽ tiếp tay mê hoặc mọi người, ngăn cản chánh pháp. Có người sẽ ưa chuộng tiếng nói êm tai, lời lẽ hoa mỹ, lại có người sẽ thích đọc ngoại điển. Bọn họ sẽ bị ác ma mê hoặc, khiến tâm tán loạn bất an, khi bị mê hoặc đến thế, bọn họ sẽ bị che lấp tuệ nhãn, sẽ trở nên tham lam vụ lợi. Những người thích đọc ngoại điển ấy giống hệt bầy mù, sẽ bị lừa dối gạt gẫm, phải rơi xuống

hang sâu mà chết. Lại nữa, Xá-lợi-phất! Người nào thuyết pháp mà không thanh tịnh, sẽ không biết được ý chỉ của chư Phật. Nếu không hiểu rõ mà thuyết pháp cho người, sẽ mắc phải năm lỗi lầm trước mắt: 1/ Khi thuyết pháp, tâm sẽ phập phồng lo sợ kẻ khác chất vấn. 2/ Trong tâm sẽ chất chứa lo sợ nhưng ngoài mặt vẫn gượng gạo thuyết pháp. 3/ Đó sẽ chỉ là kẻ phàm phu, không có trí tuệ thật sự. 4/ Lời thuyết pháp bất tịnh sẽ chỉ là chuỗi ngôn từ. 5/ Lời nói sẽ không có mạch lạc thứ tự, chỉ chấp vá khắp nơi. Thế nên, kẻ phàm phu ấy sợ sệt lo âu không có trí tuệ, tâm không ổn định, chỉ cốt cầu danh, tâm còn ngờ vực mà vẫn thuyết pháp cho người. Xá-lợi-phất! Kẻ ấy thân chưa chứng pháp mà ngồi lên tòa cao, tâm chưa biết rõ mà lại dạy người, theo chánh pháp, sẽ bị đọa xuống địa ngục!”

Lại nữa, kinh Tăng-nhất-A-hàm nói: “Bấy giờ, đức Phật bảo các Tỳ-kheo: “Cần phải biết có bốn loài chim. Là bốn loài chim nào? 1/ Hoặc có loài chim tiếng hót hay nhưng hình dáng xấu, ấy là chim Câu-sí-la. 2/ Hoặc có loài chim hình dáng đẹp nhưng tiếng hót dở, ấy là chim Cất. 3/ Hoặc có loài chim tiếng hót dở mà hình dáng cũng xấu, ấy là chim Cú. 4/ Hoặc có loài chim tiếng hót hay mà hình dáng cũng đẹp, ấy là chim Công. Trên thế gian cũng có bốn hạng Tỳ-kheo, cần phải cùng nhau xem xét. Là bốn hạng nào? 1/ Hoặc có hạng Tỳ-kheo sắc tướng trang nghiêm uy nghi thành tựu, nhưng không biết đọc tụng từ đầu, giữa, cuối các kinh thật giỏi. Hạng Tỳ-kheo này gọi là hình dáng đẹp nhưng tiếng nói không hay. 2/ Hoặc có hạng Tỳ-kheo tiếng nói hay nhưng hình dáng xấu. Ra vào đi đứng không đủ uy nghi, nhưng giảng thuyết hay, giữ giới tinh tiến, nghĩa lý sâu xa từ đầu, giữa, cuối các kinh đều giỏi. Hạng Tỳ-kheo này gọi là tiếng nói hay, nhưng hình dáng xấu. 3/ Hoặc có hạng Tỳ-kheo tiếng nói dở mà hình dáng cũng xấu. Ấy là các Tỳ-kheo phạm giới, không tinh tiến, không nghe giảng thật nhiều. Nếu nghe xong, cũng quên mất. Hạng Tỳ-kheo này gọi là tiếng nói dở mà hình dáng cũng xấu. 4/ Hoặc có hạng Tỳ-kheo tiếng nói hay mà hình dáng cũng đẹp. Ấy là các Tỳ-kheo có sắc tướng trang nghiêm, uy nghi đầy đủ, lại còn tinh tiến, tu theo thiện pháp, nghe nhiều không quên, đọc tụng từ đầu, giữa, cuối các kinh thật giỏi. Hạng Tỳ-kheo này gọi là tiếng nói hay mà hình dáng cũng đẹp”.

Lại nữa, kinh Tăng-nhất-a-hàm nói: “Bấy giờ, đức Phật bảo các Tỳ-kheo: “Có bốn loại mây. Là bốn thứ nào? 1/ Hoặc có loại mây nổi sấm nhưng không đổ mưa. 2/ Hoặc có loại mây đổ mưa nhưng không nổi sấm. 3/ Hoặc có loại mây không đổ mưa cũng không nổi sấm. 4/

Hoặc có loại mây vừa đổ mưa vừa nổi sấm. Bốn loại mây này giống bốn hạng Tỳ-kheo trên thế gian. 1/ Sao gọi là hạng Tỳ-kheo nổi sấm nhưng không đổ mưa? Hoặc có Tỳ-kheo đọc tụng rành mười hai phần giáo, không sai nghĩa, nhưng không biết giảng thuyết cho người khác, nên gọi là hạng Tỳ-kheo nổi sấm nhưng không đổ mưa. 2/ Sao gọi là hạng Tỳ-kheo đổ mưa nhưng không nổi sấm? Hoặc có Tỳ-kheo sắc tướng trang nghiêm, uy nghi đầy đủ, tuy không có kiến thức uyên thâm, nhưng biết theo người khác, theo bạn tốt thầy hay học hỏi, nhớ rõ không quên và cũng biết thuyết pháp rành rẽ cho người, nên gọi là hạng Tỳ-kheo đổ mưa nhưng không nổi sấm. 3/ Sao gọi là hạng Tỳ-kheo không đổ mưa cũng không nổi sấm? Hoặc có Tỳ-kheo sắc tướng không trang nghiêm, uy nghi không đầy đủ, không tu theo thiện pháp, không có kiến thức uyên thâm, lại cũng không biết thuyết pháp cho người, nên gọi là hạng Tỳ-kheo không đổ mưa cũng không nổi sấm. 4/ Sao gọi là hạng Tỳ-kheo vừa đổ mưa vừa nổi sấm? Hoặc có Tỳ-kheo sắc tướng trang nghiêm, uy nghi đầy đủ, ham thích học hỏi và cũng biết thuyết pháp rành rẽ, khuyên nhủ dẫn dắt người khác tiến thủ nên gọi là hạng Tỳ-kheo vừa đổ mưa vừa nổi sấm”.

